TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/DS-ST
Ngày: 10-6-2021.
"V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lực.

2. Ông Bùi Thanh Hùng.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Võ Thanh Tòng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 10 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 591/2020/TLST-DS ngày 12/11/2020 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2021/QĐST-DS ngày 20/4/2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 201, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đ; (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Bà Hà Thị A, sinh năm 1948; (vắng mặt)

2. Anh Hà Khánh L, sinh năm 1978; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 175, ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2020, Biên bản lấy lời khai đương sự các ngày 01/12/2020 và 12/3/2021, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ ngày 19/4/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị U trình bày:

Bà Nguyễn Thị U với bà Hà Thị A và anh Hà Khánh L không có mối quan hệ bà con thân thích. Bà U biết bà A và anh L thông qua người khác giới thiệu. Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2017, bà U cho bà A và anh L vay tổng cộng 04 lần, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 22/7/2016 âm lịch, bà U cho bà A và anh L vay số tiền 10.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận 03%/tháng; thời hạn vay khi nào cần thì bà U sẽ thông báo trước cho bà A và anh L một tháng; mục đích vay tiền là để bà A và anh L làm vườn. Việc vay tiền bà U có viết tờ hợp đồng vay tiền và cho bà A và anh L ký tên, ghi họ tên, còn chữ ghi họ tên của bà A phía bên vay tiền là do anh L viết. Hợp đồng vay tiền được viết tại nhà của bà U và Bà U đã giao đủ số tiền 10.000.000 đồng cho bà A và anh L tại nhà bà U nhưng không có làm biên nhận tiền riêng và cũng không có ai chứng kiến. Khi vay tiền bà A và anh L có giao cho bà U giữ một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 02, tờ bản đồ số 55 do hộ bà Hà Thị A đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp để làm tin. Từ khi vay tiền đến nay, anh L trả lãi được 12 tháng (từ ngày 22/8/2016 âm lịch đến 22/7/2017 âm lịch), mỗi tháng là 300.000 đồng, tổng cộng là 3.600.000 đồng. Đối với việc bà A cho rằng, chữ ký tên Ẩn trong Hợp đồng vay tiền ngày 22/7/2016 âm lịch là do bà U tự ký, chứ bà A không biết chữ là hoàn toàn không đúng.

- Lần thứ hai: Vào ngày 02/12/2016 âm lịch, bà U cho anh L vay số tiền 10.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận 03%/tháng; thời hạn vay khi nào cần thì bà U sẽ thông báo trước cho anh L một tháng; mục đích vay tiền là để anh L làm vườn. Việc vay tiền bà U có viết tờ biên nhận vay tiền và cho anh L ký tên, ghi họ tên. Biên nhận vay tiền được viết tại nhà của bà U và bà U đã giao đủ số tiền 10.000.000 đồng cho anh L tại nhà bà U nhưng không có ai chứng kiến. Từ khi vay tiền đến nay, anh L trả lãi được 09 tháng (từ ngày 02/01/2017 âm lịch đến 02/9/2017 âm lịch), mỗi tháng là 300.000 đồng, tổng cộng là 2.700.000 đồng. Đối với Biên nhận đề ngày 02/12/2016 âm lịch, thì nội dung chữ viết 02 dòng từ trên xuống là do bà U viết, còn những nội dung còn lại trong biên nhận là do anh L viết. Đối với nội dung "SN 1978" và "lãi" có màu mực đậm hơn so với những nội dung còn lại trong biên nhận là do anh L viết. Nguyên nhân nội dung trong biên nhận có chỗ màu mực đậm, có chỗ màu mực nhạt là do cây viết bị nghẹt mực và khi viết đè nhiều hơn những chữ viết còn lại nên có màu mực đậm hơn.

- Lần thứ ba: Vào ngày 01/6/2017 âm lịch, bà U cho bà A và anh L vay số tiền 10.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận 03%/tháng; thời hạn vay khi nào cần thì bà U sẽ thông báo trước cho bà A và anh L một tháng; mục đích vay tiền là để bà A và anh L sửa nhà. Việc vay tiền bà U có viết biên nhận vay tiền và cho bà A và anh L ký tên, ghi họ tên, còn chữ ghi họ tên của bà A phía bên vay tiền là do anh L viết. Biên nhận vay tiền được viết tại nhà của bà U và bà U đã giao đủ số tiền

10.000.000 đồng cho anh L tại nhà bà U nhưng không có ai chứng kiến. Từ khi vay tiền đến nay, anh L trả lãi được 03 tháng (từ ngày 01/7/2017 âm lịch đến 01/9/2017 âm lịch), mỗi tháng là 300.000 đồng, tổng cộng là 900.000 đồng. Bà U thừa nhận nội dung Biên nhận đề ngày 01/6/2017 âm lịch là do Bà U viết. Đối với nội dung "lãi 3%/tháng" có màu mực đậm hơn so với những nội dung còn lại trong biên nhận là do cây viết bị nghẹt mực và khi bà U viết đè nhiều hơn những chữ viết còn lại nên có màu mực đậm hơn.

- Lần thứ tư: Vào ngày 08/9/2017 âm lịch, bà U cho anh L vay số tiền 5.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận 03%/tháng; thời hạn vay khi nào cần thì bà U sẽ thông báo trước cho anh L một tháng; mục đích vay tiền là để anh L sửa nhà. Việc vay tiền bà U có viết biên nhận vay tiền và cho anh L ký tên, ghi họ tên. Biên nhận vay tiền được viết tại nhà của bà U và bà U đã giao đủ số tiền 5.000.000 đồng cho anh L tại nhà bà U nhưng không có ai chứng kiến. Từ khi vay tiền đến nay, anh L chưa trả lãi cho bà U. Đối với Biên nhận đề ngày 08/9/2017 âm lịch, thì nội dung chữ viết 03 dòng từ trên xuống là do Bà U viết, còn những nội dung còn lại trong biên nhận là do anh L viết. Đối với nội dung "Biên nhận", "(AL)", "sinh năm 1978" và "lãi 3%/tháng" có màu mực đậm hơn so với những nội dung còn lại trong biên nhận là do do cây viết bị nghẹt mực và khi bà U, anh L viết đè nhiều hơn những chữ viết còn lại nên có màu mực đậm hơn.

Nguyên nhân cùng một số tiền vay là 10.000.000 đồng, nhưng lần vay ngày 22/7/2016 âm lịch lại ghi hợp đồng vay tiền cụ thể, còn lần vay các ngày 02/12/2016 âm lịch và ngày 01/6/2017 âm lịch lại không ghi đầy đủ cụ thể như lần vay ngày 22/7/2016 âm lịch các lần vay sau là do bà U đã giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ghi đơn giản.

Bà U cho rằng các chữ ký tên, ghi họ tên của bà A và anh L trong hợp đồng vay tiền và các biên nhận nêu trên là chữ ký của bà A và anh L, nên bà U không yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà A và anh L trong hợp đồng vay tiền và các biên nhận nêu trên.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị U rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về phần yêu cầu bà Hà Thị A và anh Hà Khánh L có nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật, mà bà U chỉ yêu cầu bà A và anh L cùng liên đới trả cho bà U số tiền nợ gốc của 02 lần vay ngày 22/7/2016 âm lịch và ngày 01/6/2017 âm lịch tổng cộng là 20.000.000 đồng; Và yêu cầu anh L có nghĩa vụ trả cho bà U số tiền nợ gốc của 02 lần vay ngày 02/12/2016 âm lịch và ngày 08/9/2017 âm lịch tổng cộng là 15.000.000 đồng. Sau khi bà A và anh L trả xong số tiền nợ gốc, thì bà U đồng ý giao trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BH 110392, số vào sổ CH01392, do hộ bà Hà Thị A đứng tên quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp ngày 05/9/2012.

Căn cứ để bà U yêu cầu bà A có nghĩa vụ liên đới cùng với anh L là do bà A là người nhận tiền cùng vay tiền và cùng nhận tiền với ông Ly trong lần vay

ngày 22/7/2016 âm lịch; còn lần vay tiền ngày 01/6/2017 âm lịch thì do bà A với anh L là mẹ con nên phải có trách nhiệm liên đới với nhau.

Tài liệu, chứng cứ mà bà U chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà U gồm có: (1) Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/7/2016 âm lịch; (2) Biên nhận đề ngày 02/12/2016 âm lịch; (3) Biên nhận đề ngày 01/6/2017 âm lịch; (4) Biên nhận đề ngày 08/9/2017 âm lịch. Ngoài ra, bà U không còn tài liệu, chứng cứ nào khác.

- Theo Biên bản lấy lời khai đương sự các ngày 01/12 và 24/12/2020, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/4/2021, bị đơn bà Hà Thị A trình bày:

Bà Hà Thị A thừa nhận là có vay số tiền 10.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị U theo Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/7/2016 âm lịch và có thế chấp cho bà U một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa BH 110392, số vào sổ CH01392, do hộ bà Hà Thị A đứng tên quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp ngày 05/9/2012.

Sau khi vay tiền đến nay thì mỗi tháng bà A đã đóng lãi cho bà U số tiền là 600.000 đồng, bà A đóng lãi đến tháng 3/2020 thì ngưng đóng lãi cho đến nay. Bà A đồng ý trả cho bà U số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 4.200.000 đồng, tổng cộng là 14.200.000 đồng. Sau khi Tòa án cho bà A xem và có Hà Khánh L chứng kiến đối với Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/7/2016 âm lịch thì bà A thừa nhận là có vay tiền cùng với anh L, còn chữ ký tên và ghi họ tên Hà Thị A trong hợp đồng vay tiền đều do bà U viết, do bà A không biết chữ.

Đối với Biên nhận đề ngày 02/12/2016 âm lịch, Biên nhận đề ngày 01/6/2017 âm lịch và Biên nhận đề ngày 08/9/2017 âm lịch, thì bà A cho rằng bà A không có vay tiền của bà U và bà A là người không biết chữ, nên chữ ký tên Ẩn trong Biên nhận đề ngày 01/6/2017 âm lịch không phải là chữ ký tên của bà A. Do đó, bà A không đồng ý với yêu cầu của bà U. Bà A không yêu cầu Tòa án tiến hành trưng cầu giám định chữ ký của bà A trong Biên nhận đề ngày 01/6/2017 âm lịch.

Bà A chỉ đồng ý liên đới cùng với anh L trả cho bà U số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/7/2016 âm lịch và tiền nợ lãi 4.200.000 đồng, tổng cộng là 14.200.000 đồng. Ngoài ra, bà A không có yêu cầu phản tố trong vụ án, không có tài liệu, chứng cứ và cũng không có ai chứng kiến sự việc để chứng minh cho ý kiến phản bác và lời trình bày của bà A.

Bà A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tiến hành xét xử nhưng vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Đồng thời, bà A cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không cung cấp người làm chứng, không thực hiện việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết theo các thông báo của Tòa án và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

- Theo Biên bản lấy lời khai đương sự các ngày 23 và 24/12/2020, bị đơn anh Hà Khánh L trình bày:

Anh Hà Khánh L thừa nhận có vay số tiền 10.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị U theo Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/7/2016 âm lịch và có thế chấp cho bà U một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa BH 110392, số vào sổ CH01392, do hộ bà Hà Thị A đứng tên quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp ngày 05/9/2012. Đồng thời, anh L thừa nhận là có vay số tiền 5.000.000 đồng theo Biên nhận đề ngày 08/9/2017 âm lịch và đã trả xong cho bà U, nhưng anh L không có làm biên nhận trả tiền và khi anh L trả tiền cho bà U thì cũng không có ai chứng kiến. Ngoài ra, anh L còn thừa nhận chữ ký tên, ghi họ tên Hà Khánh L trong Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/7/2016 âm lịch và Biên nhận đề ngày 08/9/2017 âm lịch là do anh L ký tên và ghi họ tên.

Nay anh L đồng ý liên đới cùng với bà A trả cho bà U số tiền vay nợ gốc 10.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/7/2016 âm lịch và tiền nợ lãi là 4.200.000 đồng, tổng cộng nợ gốc và lãi là 14.200.000 đồng.

Đối với Biên nhận đề ngày 02/12/2016 âm lịch và Biên nhận đề ngày 01/6/2017 âm lịch, thì anh L xác định không phải chữ ký tên, ghi họ tên của anh L, nên anh L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Bà U.

Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên họp, phiên tòa. Đồng thời, anh L cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không cung cấp người làm chứng, không thực hiện việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết theo các thông báo của Tòa án và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, các bị đơn Hà Thị A và Hà Khánh L trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U. Buộc bà Hà Thị A và anh Hà Khánh L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền ngày 22/7/2016 âm lịch; Buộc anh Hà Khánh L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền 25.000.000 đồng theo Biên nhận ngày 02/12/2016 âm lịch, Biên nhận ngày 01/6/2017 âm lịch và Biên nhận ngày 08/9/2017 âm lịch.

+ Không chấp nhận yêu cầu buộc bà Hà Thị A liên đới cùng với anh Hà Khánh L trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền 10.000.000 đồng theo Biên nhận vay ngày 01/6/2017 âm lịch.

+ Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U đối với yêu cầu bà Hà Thị A và anh Hà Khánh L có nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét thấy, nguyên đơn Nguyễn Thị U khởi kiện yêu cầu các bị đơn Hà Thị A và Hà Khánh L cùng liên đới trả cho bà U số tiền nợ gốc của 02 lần vay ngày 22/7/2016 âm lịch và ngày 01/6/2017 âm lịch tổng cộng là 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi chậm trả; yêu cầu anh Hà Khánh L có nghĩa vụ trả cho bà U số tiền nợ gốc của 02 lần vay ngày 02/12/2016 âm lịch và ngày 08/9/2017 âm lịch tổng cộng là 15.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi chậm trả. Do đó, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, các bị đơn có nơi cư trú tại ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Đ. Cho nên, Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, các bị đơn Hà Thị A và Hà Khánh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tiến hành xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu về số tiền nợ gốc:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về xác định chứng cứ, đó là: *"Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp*

hoặc do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận". Theo đó, bà Nguyễn Thị U khởi kiện yêu cầu các bà Hà Thị A và anh Hà Khánh L cùng liên đới trả cho bà U số tiền nợ gốc của 02 lần vay ngày 22/7/2016 âm lịch và ngày 01/6/2017 âm lịch tổng cộng là 20.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi chậm trả; yêu cầu anh L có nghĩa vụ trả cho bà U số tiền nợ gốc của 02 lần vay ngày 02/12/2016 âm lịch và ngày 08/9/2017 âm lịch tổng cộng là 15.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi chậm trả. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà U cung cấp bản chính (1) Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/7/2016 AL thể hiện số tiền vay là 10.000.000 đồng; (2) Biên nhận đề ngày 02/12/2016 AL thể hiện số tiền vay là 10.000.000 đồng; (3) Biên nhận đề ngày 01/6/2017 AL thể hiện số tiền vay là 10.000.000 đồng; (4) Biên nhận đề ngày 08/9/2017 AL thể hiện số tiền vay là 5.000.000 đồng. Như vậy, bản chính (1) Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/7/2016 AL; (2) Biên nhận đề ngày 02/12/2016 AL; (3) Biên nhận đề ngày 01/6/2017 AL; (4) Biên nhận đề ngày 08/9/2017 AL đều là tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Theo đó, bà A thừa nhận là có vay số tiền 10.000.000 đồng của bà U theo Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/7/2016 âm lịch và có thế chấp cho Bà U một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa BH 110392, số vào sổ CH01392, do hộ bà A đứng tên quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp ngày 05/9/2012; Anh L thừa nhận có vay số tiền 10.000.000 đồng của bà U theo Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/7/2016 âm lịch và có thế chấp cho bà U một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa BH 110392, số vào sổ CH01392, do hộ bà A đứng tên quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp ngày 05/9/2012. Đồng thời, anh L thừa nhận là có vay số tiền 5.000.000 đồng của bà U theo Biên nhận đề ngày 08/9/2017 âm lịch. Như vậy, việc thừa nhận của bà A và anh L là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Và tại khoản 4 quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Theo đó, anh L cho rằng anh L không có vay tiền theo các Biên nhận đề ngày 02/12/2016 âm lịch và Biên nhận ngày 01/6/2017 âm lịch và chữ ký tên, chữ ghi họ tên Hà Khánh L trong các biên nhận

này không phải là chữ ký tên, chữ ghi họ tên của anh L. Tuy nhiên, anh L không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến phản bác của anh L. Hơn nữa, anh L cũng không thực hiện việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của anh L trong các biên nhận này. Mặc dù, Tòa án đã thông báo cho anh L thực hiện việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết đến hai lần. Ngoài ra, anh L còn cho rằng anh L đã trả cho bà U số tiền 5.000.000 đồng theo Biên nhận đề ngày 08/9/2017 âm lịch, nhưng anh L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là biên nhận trả tiền cho bà U hoặc người làm chứng đã chứng kiến sự việc anh L đã trả số tiền 5.000.000 đồng cho bà U. Như vậy, anh L đã không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, anh L cũng không thực hiện việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết. Điều này đã cho thấy, anh L đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình và không phản đối đối với yêu cầu của bà U theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và anh L không thực hiện nghĩa vụ chứng minh thì phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự được quy định tại khoản 25 Điều 70 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Đối với yêu cầu liên đới:

Bà U cho rằng Biên nhận đề ngày 01/6/2017 âm lịch là do bà A ký tên, còn chữ ghi họ tên Hà Thị A là do anh L viết. Còn bà A trình bày bà A không biết viết chữ; chữ ký tên của bà A trong Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/7/2016 âm lịch là do bà U ký; chữ ký tên của bà A trong Biên nhận đề ngày 01/6/2017 âm lịch không phải là chữ ký tên của bà A. Điều này được thể hiện thông qua việc, biên bản tống đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập do Thừa phát lại giao cho bà A đầu tiên, thì cũng cho bà A lăn tay và tất cả các biên bản tống đạt do Thừa phát lại giao, biên bản tống đạt do Tòa án trực tiếp tống đạt và các biên bản làm việc, thì bà A đều không biết viết chữ, nên phải thực hiện việc lăn tay. Tuy nhiên, bà U lại không thực hiện việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà A trong Biên nhận đề ngày 01/6/2017 âm lịch và cũng không cung cấp được người làm chứng đã chứng kiến sự việc bà A là người trực tiếp ký tên vào biên nhận này. Hơn nữa, bà U cũng thừa nhận là lần vay tiền ngày 01/6/2017 âm lịch thì anh L là người nhận tiền. Do đó, yêu cầu của bà U về việc đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà A có nghĩa vụ liên đới cùng với anh L để trả cho bà U số tiền vay 10.000.000 đồng theo Biên nhận đề ngày 01/6/2017 âm lịch là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.3] Về việc rút yêu cầu trả lãi chậm thanh toán:

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà U đối với yêu cầu bà A và anh L có nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là tự nguyện nên Hội đồng xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[4] Qua những phân tích nêu trên cho thấy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà U yêu cầu bà A và anh L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà U số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền đề ngày 22/7/2016 âm lịch; Và yêu cầu anh L có nghĩa vụ trả cho bà U số tiền 25.000.000 đồng theo các Biên nhận đề ngày 02/12/2016 âm lịch, Biên nhận đề ngày 01/6/2017 âm lịch và Biên nhận đề ngày 08/9/2017 âm lịch là có căn cứ để chấp nhận. Đối với yêu cầu buộc bà A liên đới cùng với anh L trả cho bà U số tiền 10.000.000 đồng theo Biên nhận đề ngày 01/6/2017 âm lịch là không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ xét xử về phần yêu cầu mà nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị U được chấp nhận một phần và không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận; Các bị đơn Hà Thị A và Hà Khánh L không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 11, 12, 13, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị U có mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các bị đơn Hà Thị A và Hà Khánh L đều vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 25 Điều 70, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 288, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U.

- Buộc bà Hà Thị A và anh Hà Khánh L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền vay nợ gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Buộc anh Hà Khánh L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền vay nợ gốc là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U về yêu cầu bà Hà Thị A và anh Hà Khánh L có nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

3. Bà Nguyễn Thị U có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hà Thị A và anh Hà Khánh L bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số bìa BH 110392, số vào sổ CH01392, do hộ bà Hà Thị A đứng tên quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp ngày 05/9/2012.

4. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Bà Hà Thị A và anh Hà Khánh L phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Hà Khánh L phải chịu 1.250.000 đồng (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ với số tiền 1.207.500 đồng (Một triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm đồng) mà Bà U đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0009769 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Bà U được nhận lại số tiền 907.500 đồng (Chín trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các bị đơn Hà Thị A và Hà Khánh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thành Nhân